

Số: 2086 /2020/QĐST - HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 24 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 54, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2047/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **ĐDN**, sinh năm 1966

Địa chỉ: A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà **VTTT**, sinh năm 1969

Địa chỉ: A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc, cụ thể:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số A, quyển số 02/2005 do ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2005 thì quan hệ hôn nhân giữa ông ĐDN và bà VTTT là hợp pháp. Ông Ngọc và bà Thúy cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, ông bà không có tiếng nói chung, khả năng hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là khó thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Ngọc và bà Thúy yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Ông ĐDN và bà VTTT khai quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên là ĐDK, sinh ngày 12/11/1993 và ĐTH, sinh ngày 07/5/2000 (cả hai đã trưởng thành).

[3] *Về tài sản chung:* Ông ĐDN và bà VTTT khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Ông ĐDN và bà VTTT khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Ông ĐDN và bà VTTT thật sự tự nguyện ly hôn và đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông ĐDN và bà VTTT.
- Về con chung: Có hai con chung tên là ĐDK, sinh ngày 12/11/1993 và ĐTH, sinh ngày 07/5/2000 (cả hai đã trưởng thành).
- Về tài sản chung: Ông ĐDN và bà VTTT khai do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông ĐDN và bà VTTT khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng, ĐDN và bà VTTT phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông N và bà T đã nộp theo biên lai thu số 0088854 ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- UBND P. 26, Q. Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Dương Thị Thảo Trân